

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2024

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Vũ
- Ông Nguyễn Quốc Triều

- Thư ký Phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia Phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1995 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp Láng Q, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Hồng P, sinh năm 1977 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Người làm chứng:**

3.1 Bà Trương Thị C, sinh năm 1951 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Anh Văn T, sinh năm 1976 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp Mỹ A, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng ngày 31/01/2024 và bản tự khai cùng ngày nguyên đơn chị Võ Thị Bé H trình bày: Chị và bị đơn anh Phạm Hồng P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 08/11/2022. Quá trình chung sống, không hạnh phúc, hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Anh P luôn quyết định mọi vấn đề về tài chung mà không nói với chị. Anh P không có công việc ổn định, thời gian ở nhà không có trách nhiệm với vợ con, bỏ mặc chị một mình chăm sóc con nhỏ, khiến chị lo lắng cho kinh tế gia đình, vay mượn người thân, vừa căng thẳng sau sinh. Hiện tại vợ chồng không con sống chung với nhau và đã ly thân về mặt tình cảm. Về con chung: Có một con chung tên Phạm Bảo N, sinh ngày 17/3/2023, hiện chị đang nuôi. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung chị xin nuôi và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2024 bị đơn anh Phạm Hồng P trình bày anh và chị H kết hôn năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 08/11/2022. Quá trình chung sống 02 năm, không có mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H vì anh còn thương vợ, không muốn thiếu vợ, con.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn có văn bản đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28 khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Bé H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Võ Thị Bé H được ly hôn với anh Phạm Hồng P.

Về con chung: Giao con chung Phạm Bảo N, sinh ngày 17/3/2023 cho chị Võ Thị Bé H nuôi, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con và anh P được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại Pên tòa, qua kết quả tranh luận tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: chị Võ Thị Bé H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hồng P, có địa chỉ ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Võ Thị Bé H và bị đơn anh Phạm Hồng P có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị Bé H với anh Phạm Hồng P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số:113/2022 ngày 08/11/2022 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của H cho rằng: quá trình chung sống không hạnh phúc, hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Anh P luôn quyết định mọi vấn đề về tài chính mà không nói với chị. Anh P không có công việc ổn định, thời gian ở nhà không có trách Nệm với vợ con, bỏ mặc chị một mình chăm sóc con nhỏ, khiến chị lo lắng cho kinh tế gia đình, vay mượn người thân, vừa căng thẳng sau sinh. Xét lời trình bày của chị H cũng phù hợp với lời khai của những người làm chứng mà tòa án thu thập được. Hiện tại chị H không còn tình cảm với anh P. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung tên Phạm Bảo N, sinh ngày 17/3/2023 hiện chị Võ Thị Bé H đang nuôi. Khi vợ chồng ly hôn, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con. Xét thấy từ sinh ra đến nay con chung sống với chị H và hiện con chung còn dưới 36 tháng tuổi, từ trước đến nay chị H nuôi con cuộc sống cũng đảm bảo, vì vậy tiếp tục giao con chung Phạm Bảo N cho chị H nuôi, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị H là người trực tiếp nuôi con và chị H có đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên so với nhận định trên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Bé H.

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Võ Thị Bé H được ly hôn với anh Phạm Hồng P.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao con chung Phạm Bảo N, sinh ngày 17/3/2023 cho chị Võ Thị Bé H nuôi, anh Phạm Hồng P không phải cấp dưỡng nuôi con và anh P được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Bé H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0011057 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Ủy ban nhân dân xã Trà Côn;
- (Giấy kết hôn số: 113, ngày 08/11/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Hoàng Phong